Người ký: Ủy ban Nhân dân Huyện Củ Chi
Email: cuchi@tphcm.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 13.06.2018 14:48:40 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 6443/QĐ-UBND	*Củ Chi, ngày 12 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 - 2019 trên địa bàn huyện Củ Chi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2, khoản 2 Điều 4, điểm d khoản 1 và đoạn đầu khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2018 - 2019;

Căn cứ văn bản số 1147/GDĐT-KTKĐCLGD ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thi tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông năm học 2018 - 2019;

Căn cứ văn bản số 1150/GDĐT-KTKĐCLGD ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển sinh vào lớp 10 tích hợp năm học 2018 - 2019;

Xét đề nghị của Trưởngg Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tại Tờ trình số 634/TTr-GDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2018 về việc ban hành Kế hoạch và Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 - 2019 trên địa bàn huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 - 2019 trên địa bàn huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thanh Hiền

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện (CT, các PCT);
- UB. MTTQ VN và các đoàn thể huyện;
- Hội Khuyến học huyện; Hội Cựu Giáo chức huyện;
- Trung tâm GDTX; Trường TCCN; Trung cấp nghề;
- Các trường MN, TH, THCS, THPT;
- Lưu: VT, P.GDĐT.2. M.Hiep.18.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 - 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi)

A. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH

1. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 08-NQ/HU, ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Huyện ủy về việc tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và công tác phổ cập giáo dục các bậc học giai đoạn 2010-2015 và những năm tiếp theo.

2. Tuyên truyền về những chủ trương tuyển sinh đầu cấp của Thành phố và huyện Củ Chi đến từng hộ dân trên địa bàn; đặc biệt quan tâm các hộ tạm trú, nhà trọ của công nhân. Đảm bảo đủ chỗ học cho con em nhân dân trên địa bàn huyện Củ Chi, đặc biệt là con em gia đình chính sách, hộ nghèo, công nhân; thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục bậc trung học. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; khuyến khích học sinh thi tuyển vào lớp 10 chọn nguyện vọng phù hợp với bản thân, gần nơi cư trú để thuận lợi cho việc tiếp tục đi học khi trúng tuyển và giảm áp lực giao thông theo chủ trương của thành phố.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện thí điểm Đề án xây dựng trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế ở mỗi bậc học và cấp học theo Quyết định số 3036/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố; khuyến khích các trường tổ chức dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam nhằm thực hiện chủ trương chủ động hội nhập và thực hiện chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của thành phố; tiếp tục thực hiện Đề án "Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông".

4. Thực hiện đúng quy chế ở mỗi cấp học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh đúng chất lượng dạy và học.

5. Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản ngoài quy định khi tuyển sinh và các trường hợp chuyển hộ khẩu hoặc đăng ký tạm trú để đối phó với việc phân tuyến của Ban Chỉ đạo tuyển sinh các lớp đầu cấp. Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi và Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 chỉ nhận những trường hợp học sinh có hộ khẩu thường trú (ở cùng với cha hoặc mẹ) hoặc có hộ khẩu ghép với ông bà nội, ông bà ngoại (có tên cha và mẹ trong hộ khẩu) tại thị trấn Củ Chi ít nhất 5 năm (đến tháng 6 năm 2018).

B. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

I. HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP MẦM NON 5 TUỔI VÀ CÁC LỚP KHÁC

1. Tổng số trường mầm non công lập, tư thục và nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục là 136, trong đó:

- Trường mầm non công lập: 31 trường.

- Trường mầm non tư thục: 17 trường.

- Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục: 88 nhóm (nhóm trẻ: 16, lớp mẫu giáo: 72).

2. Tổng số trẻ trên địa bàn xã, thị trấn: 22476 trẻ (Hộ khẩu: 18675 trẻ , KT3: 1917 trẻ, tạm trú: 1884 trẻ). Trong đó:

- Trẻ 5 tuổi, sinh 2013: 6937 trẻ (HK: 4882 trẻ, KT3: 641 trẻ, tạm trú: 1414 trẻ).

- Trẻ 4 tuổi, sinh 2014: 5281 trẻ (HK: 4428 trẻ, KT3: 737 trẻ, tạm trú: 116 trẻ).

- Trẻ 3 tuổi, sinh 2015: 4069 trẻ (HK: 3792 trẻ, KT3: 154 trẻ, tạm trú: 123 trẻ).

- Trẻ nhà trẻ: 4272 trẻ (HK: 3839 trẻ, KT3: 294 trẻ , tạm trú: 139 trẻ)

- Trẻ 6 tháng đến 18 tháng tuổi: 1917 trẻ (HK: 1734 trẻ, KT3: 91 trẻ, tạm trú: 92 trẻ)

3. Chỉ tiêu dự kiến huy động các lớp từ nhóm trẻ, lớp mầm, chồi và lá:

- Lớp lá (5 tuổi):

+ Tổng số trẻ sinh năm 2013 trên địa bàn xã, thị trấn và nơi khác đến học: 6937 trẻ (HK: 5523 trẻ; tạm trú: 1414 trẻ)

+ Dự kiến tuyển sinh: 6937/6937 trẻ; tỷ lệ: 100%.

- Lớp chồi (4 tuổi):

+ Tổng số trẻ sinh năm 2014 trên địa bàn xã, thị trấn: 5281 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 5281/5281 trẻ; tỷ lệ: 100%.

- Lớp mầm (3 tuổi):

+ Tổng số trẻ sinh năm 2015 trên địa bàn xã, thị trấn: 4069 trẻ

+ Dự kiến tuyển sinh: 3318/4069 trẻ; tỷ lệ: 81,54%

- Nhóm trẻ:

+ Tổng số trẻ nhà trẻ trên địa bàn xã, thị trấn: 4272 trẻ.

+ Dự kiến tuyển sinh: 1258/4272 trẻ; tỷ lệ 29,45%

- Trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi:

+ Tổng số trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi trên địa bàn xã, thị trấn: 1917 trẻ.

+ Dự kiến tuyển sinh: 42/1917 trẻ; tỷ lệ 2,19%

II. TUYỂN SINH VÀO LỚP 1

- Trẻ em độ tuổi sinh năm 2012 (6 tuổi): 7217 trẻ.

- Dự kiến tuyển vào lớp 1: 7217 học sinh, đạt tỷ lệ 100%, trong đó có hộ khẩu trường trú: 6316, tạm trú: 901 trẻ.

+ Lớp học 2 buổi/ngày: 191/199, tỷ lệ 95,98%.

+ Tỷ lệ học sinh bán trú: phấn đấu đạt từ 40% trở lên

III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 6

- Dự kiến số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 6934 học sinh.

- Dự kiến tuyển vào lớp 6: 6934 học sinh, tỷ lệ 100%.

IV. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10: TRUNG HỌC PHỔ THÔNG; TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP; TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN VÀ TRUNG CẤP NGHỀ

- Dự kiến số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở: 5439/5449 học sinh.

- Dự kiến tuyển vào lớp 10 và các hệ tương đương đạt tỷ lệ 100%.

C. PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP VÀ TUYỂN SINH

I. HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP MẦM NON 5 TUỔI VÀ CÁC LỚP KHÁC

- Huy động 100% trẻ 5 tuổi (sinh năm 2013) trong diện đi học đang cư trú trên địa bàn huyện Củ Chi vào trường mầm non theo tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định (kèm phụ lục 1: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng nhóm trẻ, lớp chồi, mầm, lá và các nhóm dành cho trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi).

- Căn cứ tình hình thực tế về cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo viên, Hiệu trưởng có kế hoạch đảm bảo chỗ học cho các cháu nhà trẻ và mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi.

+ Đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục: Nhận trẻ đúng theo quyết định của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn về việc thành lập nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo.

+ Đối với trẻ 5 tuổi: Không dạy lớp ghép, đảm bảo có đủ giáo viên, trang thiết bị theo Quyết định số 3141/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non, thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo từng độ tuổi (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Thực hiện sĩ số trẻ trên một lớp đúng Điều lệ trường Mầm non theo từng độ tuổi. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện diện tích phòng học, các trường có thể tăng thêm không quá 5 trẻ/lớp và đảm bảo diện tích phòng sinh hoạt chung cho một trẻ ít nhất 1,5m^2.

Lưu ý: Theo mục d, khoản 1, Điều 13 của Điều lệ trường mầm non "Khi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có một trẻ khuyết tật học hòa nhập thì sĩ số của lớp được giảm 5 trẻ". Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không quá 2 trẻ cùng một loại tật.

- Tỷ lệ trẻ học bán trú: 96%.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 02/7/2018 đến ngày 21/7/2018

+ Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 23/7/2018 đến ngày 30/7/2018

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: Ngày 31/7/2018

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin xét tuyển

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu có chứng thực

+ Giấy chứng nhận sức khỏe (đối với các cháu mới xin học lần đầu)

- Năm học 2018 – 2019, Trường Mầm non Thị Trấn Củ Chi 2 tiếp tục thực hiện thí điểm xây dựng trường tiên tiến hiện đại đối với trẻ các lớp mầm (3-4 tuổi) mới tuyển và lớp chồi (4-5 tuổi), lớp lá (5-6 tuổi) theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

II. TUYỂN SINH VÀO LỚP 1

1. Tuyển sinh vào lớp 1

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi (sinh năm 2012) đang cư trú trên địa bàn huyện vào học lớp 1 theo tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định (kèm phụ lục 2: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã, thị trấn, trường tiểu học).

- Không nhận học sinh sớm tuổi và không nhận học sinh trái tuyến ngoài địa bàn quy định.

- Phấn đấu thực hiện sĩ số lớp theo Điều lệ trường tiểu học (35 em/lớp);

- Đẩy mạnh tổ chức học Tiếng Anh ngay từ lớp 1 theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 02/7/2018 đến ngày 21/7/2018

+ Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 23/7/2018 đến ngày 30/7/2018

+ Thời gian công bố kết quả: Ngày 31/7/2018.

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do trường tiểu học trong địa bàn phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu có chứng thực

2. Tuyển sinh vào lớp 1 tăng cường tiếng Anh

- Điều kiện: Cha mẹ học sinh có nhu cầu và tự nguyện cho con em được học lớp 1 tăng cường tiếng Anh (kèm phụ lục 3a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 1 tăng cường tiếng Anh trường tiểu học).

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 02/7/2018 đến ngày 21/7/2018

+ Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 23/7/2018 đến ngày 30/7/2018

+ Thời gian công bố kết quả: Ngày 31/7/2018

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 1 tăng cường tiếng Anh (theo mẫu do trường tiểu học trong địa bàn phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu có chứng thực

3. Tuyển sinh vào lớp 1 chương trình tích hợp: "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"

- Điều kiện: Cha mẹ học sinh trên địa bàn huyện Củ Chi có nhu cầu và tự nguyện cho con em được học chương trình tích hợp: "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam" tại Trường Tiểu học Thị Trấn Củ Chi trên cơ sở trường lớp; kết quả khảo sát năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, năng lực tài chính của phụ huynh (kèm phụ lục 3b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 1 chương trình tích hợp: "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình tiếng Anh và Việt Nam trường tiểu học).

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 02/7/2018 đến ngày 21/7/2018

+ Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 23/7/2018 đến hết ngày 30/7/2018

+ Thời gian công bố kết quả: Ngày 31/7/2018

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 1 chương trình tích hợp (theo mẫu do Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi phát hành)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu có chứng thực

- Lưu ý: Học sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo chương trình tích hợp tại Trường Tiểu học Thị trấn Củ Chi vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển vào lớp 1 bình thường theo phân tuyến.

III. TUYỂN SINH VÀO LỚP 6

1. Tuyển sinh vào lớp 6

- Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình tiểu học tại các trường tiểu học trên địa bàn huyện Củ Chi được xét tuyển vào học lớp 6 theo tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định. Ưu tiên cho học sinh thường trú trên địa bàn (kèm phụ lục 4: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể từng xã, thị trấn, trường trung học cơ sở).

- Không tổ chức thi tuyển.

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 45 học sinh/lớp.

- Số lớp học 2 buổi/ngày là 135/161 lớp, đạt tỷ lệ 83,85%, trong đó phấn đấu đạt từ 4,5% học sinh được học bán trú.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 15/6/2018 đến ngày 05/7/2018

+ Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 06/7/2018 đến ngày 14/7/2018

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 15/7/2018

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do trường trung học cơ sở trong địa bàn phát hành)

+ Học bạ (bản chính) cấp tiểu học

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu có chứng thực

2. Tuyển sinh vào lớp 6 tăng cường tiếng Anh

2.1. Tuyển sinh vào lớp 6 tăng cường tiếng Anh tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện Củ Chi:

- Điều kiện: Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn huyện (chỉ xét tuyển theo tuyến) và có điểm kiểm tra công nhận trình độ từng kỹ năng ở lớp 5 đạt từ 6 điểm trở lên hoặc có điểm toàn năm từng kỹ năng từ 6 điểm trở lên hoặc có trình độ A2 theo khung CEFR như: chứng chỉ Cambridge Flyer 10/15 khiên hoặc TOEFL Primary Step 2 đạt 3/5 huy hiệu hoặc cấp độ Breakthrough 48-53 (Breakthrough pass) của PTE Young Learners (kèm phụ lục 5a: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 6 tăng cường tiếng Anh trường trung học cơ sở).

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 15/6/2018 đến ngày 05/7/2018

+ Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 06/7/2018 đến ngày 14/7/2018

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 15/7/2018

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển lớp 6 tăng cường tiếng Anh (theo mẫu do trường trung học cơ sở trong địa bàn phát hành)

+ Học bạ (bản chính) cấp tiểu học

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu có chứng thực

+ Chứng chỉ Cambridge Flyer hoặc TOEFL Primary Step 2 hoặc Breakthrough pass (Bản sao có chứng thực)

2.2. Tuyển sinh vào lớp 6 tăng cường tiếng Anh tại Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa (Quận 1):

- Đối tượng xét tuyển là những học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học có điểm kiểm tra định kỳ cuối năm học mỗi môn Tiếng Việt và Toán đạt từ 9 điểm trở lên của năm học lớp 5. Ngoài ra, học sinh còn tham gia bài khảo sát năng lực bằng tiếng Anh.

- Học sinh sẽ thực hiện bài khảo sát năng lực bằng tiếng Anh (thời gian 90 phút).

- Học sinh nộp hồ sơ dự tuyển tại Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa.

- Thời gian nộp hồ sơ và thời gian khảo sát: do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

- Nếu không trúng tuyển vào lớp 6 trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa, học sinh vẫn được xét tuyển vào lớp 6 theo tuyến (học sinh phải nộp hồ sơ xét tuyển bình thường theo tuyến).

3. Tuyển sinh vào lớp 6 chương trình tích hợp: "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam"

- Tiếp tục thực hiện chương trình tích hợp: "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam tại Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 trên cơ sở trường lớp và kết quả khảo sát năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, năng lực tài chính của phụ huynh (kèm phụ lục 5b: Bảng số liệu chỉ tiêu cụ thể lớp 6 chương trình tích hợp: "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình tiếng Anh và Việt Nam trường trung học cơ sở).

- Điều kiện: Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học trên địa bàn huyện Củ Chi và được cấp chứng chỉ Cambridge Flyer hoặc đã học chương trình tiếng Anh tăng cường ở cấp tiểu học và được tham gia khảo sát, nếu đủ điều kiện sẽ được xét tuyển.

- Sĩ số học sinh/lớp không vượt quá 35 học sinh/lớp.

- Thời gian tuyển sinh:

+ Thời gian phát và nhận hồ sơ: Từ ngày 15/6/2018 đến ngày 05/7/2018

+ Thời gian xét duyệt hồ sơ: Từ ngày 06/7/2018 đến ngày 14/7/2018

+ Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: ngày 15/7/2018

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin nhập học lớp 6 chương trình tích hợp (theo mẫu do trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 phát hành)

+ Học bạ cấp tiểu học và Học bạ tiếng Anh tăng cường (bản sao có công chứng)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu có chứng thực

+ Chứng chỉ Cambridge Flyer hoặc TOEFL Primary Step 2 hoặc Breakthrough pass (Bản sao có chứng thực)

- Lưu ý: Học sinh nộp hồ sơ xét tuyển theo chương trình tích hợp tại Trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển vào lớp 6 bình thường theo phân tuyến.

4. Tuyển sinh vào lớp 6 Trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu Thể dục thể thao Nguyễn Thị Định (Quận 8)

- Gồm các bộ môn: bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, điền kinh, võ, cầu lông, bơi lội.

- Điều kiện xét tuyển:

+ Đã hoàn thành chương trình tiểu học và có đủ điều kiện tuyển sinh vào lớp 6.

+ Đạt giải thể dục thể thao cấp huyện, cấp thành phố, hội khỏe Phù Đổng.

- Nộp hồ sơ xét tuyển tại trường từ ngày 18/5/2018 đến ngày 27/6/2018 (theo hướng dẫn của trường).

- Nếu không trúng tuyển vào lớp 6 chuyên năng khiếu thể dục thể thao, học sinh vẫn được xét tuyển vào lớp 6 theo tuyến (*học sinh phải nộp hồ sơ xét tuyển bình thường theo tuyến*).

IV. TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

1. Tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông

1.1. Đối tượng và phương thức tuyển sinh:

- Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh trong độ tuổi quy định đều được tham gia dự tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông công lập.

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển.

Học sinh được đăng ký 3 nguyện vọng ưu tiên 1, 2, 3 để xét tuyển vào lớp 10 các trường trung học phổ thông công lập (trừ Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa và Trường Phổ thông năng khiếu Đại học Quốc gia). Không được thay đổi nguyện vọng sau khi trúng tuyển.

1.2. Tuyển thẳng vào lớp 10 trung học phổ thông

- Học sinh khuyết tật

- Học sinh đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa; văn nghệ; thể dục thể thao; cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Khuyến khích học sinh được tuyển thẳng vào lớp 10 trung học phổ thông nên đăng ký vào các trường thuộc địa bàn học sinh cư trú.

1.3. Chế độ ưu tiên

a) Cộng 2 điểm cho một trong các đối tượng sau:

- Con liệt sĩ;

- Con thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên;

- Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên".

b) Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng sau:

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động.

- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%.

- Con của người được cấp "Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%".

c) Cộng 1 điểm cho một trong các đối tượng sau:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số.

- Người dân tộc thiểu số.

1.4. Công điểm nghề

- Loại giỏi: cộng 1,5 điểm

- Loại khá: cộng 1,0 điểm

- Loại trung bình: cộng 0,5 điểm

Cộng điểm nghề: chỉ áp dụng tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2018 – 2019.

1.5. Môn thi, ngày thi, thời gian làm bài thi, điểm bài thi, hệ số điểm bài thi, điểm cộng thêm và điểm thi tuyển:

a) Môn thi: thi viết ba môn: Ngữ văn, Toán và Ngoại ngữ

b) Thời gian thi: trong 2 ngày (gồm ngày 02/6/2018 và ngày 03/6/2018)

c) Thời gian làm bài thi:

- Môn Ngữ văn, môn Toán: 120 phút/môn thi

- Môn Ngoại ngữ: 60 phút

d) Điểm bài thi, hệ số điểm bài thi:

- Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu hỏi trong đề thi, điểm bài thi được cho theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.

- Hệ số điểm bài thi:

+ Môn Toán, môn Ngữ văn: hệ số 2.

+ Môn Ngoại ngữ: hệ số 1.

đ) Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích tối đa không quá 3 điểm.

e) Điểm thi tuyển là tổng điểm ba bài thi đã tính theo hệ số và điểm cộng thêm cho đối tượng ưu tiên, khuyến khích. Thí sinh trúng tuyển phải dự thi đủ ba bài thi và không có bài thi nào bị điểm 0 (không).

Ở một trường, điểm chuẩn nguyện vọng 2 cao hơn điểm chuẩn nguyện vọng 1 và điểm chuẩn nguyện vọng 3 cao hơn điểm chuẩn nguyện vọng 2 không quá 1 điểm.

1.6. Đề thi:

a) Nội dung đề thi trong phạm vi chương trình trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, chủ yếu ở lớp 9. Đề thi phải đảm bảo chính xác, rõ ràng, không sai sót, phân hóa được trình độ học sinh, phù hợp với thời gian quy định cho từng môn thi.

b) Mỗi môn có đề thi chính thức và đề thi dự bị với mức độ tương đương về yêu cầu nội dung, thời gian làm bài. Mỗi đề thi phải có hướng dẫn chấm và biểu điểm kèm theo.

c) Đề thi và hướng dẫn chấm thi khi chưa được công bố là bí mật Nhà nước độ "Tối mật" theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

1.7. Hội đồng ra đề thi, in sao đề thi, gửi đề thi: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập một Hội đồng ra đề thi, in sao và gửi đề thi tuyển sinh trung học phổ thông.

1.8. Ban coi thi, Ban chấm thi, Ban phúc khảo: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Ban coi thi, Ban chấm thi, Ban phúc khảo.

2. Tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông của các trường, lớp chuyên

2.1. Đối tượng và phương thức tuyển sinh

- Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh trong độ tuổi quy định và có thêm các điều kiện sau:

+ Xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm học của các lớp 6, 7, 8 từ khá trở lên.

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở loại giỏi.

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển

2.2. Môn thi, ngày thi, thời gian làm bài thi, điểm bài thi, hệ số điểm bài thi, điểm xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển và cách xét tuyển:

a) Môn thi: Thi viết bốn môn: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ và môn chuyên.

b) Thời gian thi: Do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quy định.

c) Thời gian làm bài thi:

- Các bài thi không chuyên: Môn Ngữ văn và môn Toán là 120 phút; môn Ngoại ngữ là 60 phút.

- Các bài thi chuyên: mỗi môn là 150 phút.

d) Điểm bài thi, hệ số điểm bài thi:

- Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu hỏi trong đề thi, điểm bài thi được cho theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10, điểm lẻ đến 0,25.

- Hệ số điểm bài thi:

+ Điểm các bài thi không chuyên: hệ số 1.

+ Điểm các bài thi chuyên: hệ số 2.

đ) Điểm xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển và cách xét tuyển:

- Điểm xét tuyển:

+ Điểm xét tuyển vào lớp chuyên là tổng điểm gồm: điểm Ngữ văn + điểm Ngoại ngữ + điểm Toán + (điểm môn chuyên x 2).

+ Điểm xét tuyển vào lớp không chuyên là tổng điểm gồm: điểm Ngữ văn + điểm Ngoại ngữ + điểm Toán.

- Nguyên tắc xét tuyển:

Chỉ xét tuyển đối với thí sinh được tham gia thi tuyển, đã thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm Quy chế trong kỳ thi tuyển sinh và các bài thi đều đạt điểm lớn hơn 2.

- Cách thức xét tuyển

+ Xét tuyển vào lớp chuyên: Căn cứ quy định điểm xét tuyển vào lớp chuyên, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao cho từng môn chuyên.

+ Xét tuyển vào lớp không chuyên: Căn cứ quy định điểm xét tuyển vào lớp không chuyên, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu các lớp không chuyên.

e. Lưu ý:

- Học sinh đăng ký 4 nguyện vọng ưu tiên:

+ Nguyện vọng ưu tiên 1, 2 vào lớp chuyên.

+ Nguyện vọng ưu tiên 3, 4 vào lớp không chuyên tại 2 trường: Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong và Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa.

- Nếu không trúng tuyển vào các trường, lớp chuyên, học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn được tham gia dự tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông khác theo ba nguyện vọng đã đăng ký thi tuyển.

2.3. Hội đồng ra đề thi, ban coi thi, ban chấm thi, ban phúc khảo: thực hiện như thi tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông.

3. Tuyển sinh vào lớp 10 tăng cường tiếng Anh

- Việc tuyển sinh vào các lớp 10 tăng cường tiếng Anh (đối với các trường trung học phổ thông có điều kiện về giáo viên và cơ sở vật chất) được thực hiện trong số học sinh đã trúng tuyển vào lớp 10 của trường với các yêu cầu sau:

+ Điểm số từng kỹ năng của toàn năm lớp 9 tăng cường tiếng Anh đạt từ 6 điểm trở lên hoặc có chứng chỉ B tiếng Anh trở lên hoặc có chứng chỉ Cambridge PET đạt từ 142/170 điểm (hoặc 140/210 điểm) trở lên hoặc FCE đạt 140/190 điểm (hoặc 140/210 điểm) trở lên hoặc chứng chỉ TOEFL Junior đạt từ 785/900 điểm trở lên hoặc cấp độ Level 1 từ 56 điểm trở lên của PTE General hoặc các chứng chỉ tiếng Anh tương đương.

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở loại Khá, Giỏi.

4. Tuyển sinh vào Trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu Thể dục thể thao Nguyễn Thị Định (Quận 8)

- Gồm các bộ môn: bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, điền kinh, võ, cầu lông, quần vợt, bơi lội.

- Điều kiện xét tuyển:

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở và có đủ điều kiện tuyển sinh vào lớp 10.

+ Đạt giải thể dục thể thao cấp huyện, cấp thành phố, hội khỏe Phù Đổng.

- Nộp hồ sơ xét tuyển tại trường từ ngày 25/5/2018 đến ngày 20/6/2018 (theo hướng dẫn của trường).

- Nếu không trúng tuyển vào lớp 10 chuyên năng khiếu thể dục thể thao, học sinh vẫn được tham gia dự tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông khác theo ba nguyện vọng đã đăng ký thi tuyển.

5. Tuyển sinh vào trung cấp chuyên nghiệp – Hệ sau trung học cơ sở

- Điều kiện: Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở, có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện Củ Chi có thể đăng ký xét tuyển vào học tại các trường trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn huyện Củ Chi (kèm phụ lục 6: Bảng số liệu chỉ tiêu trường trung cấp chuyên nghiệp).

- Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại trường theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường quy định.

- Căn cứ xét tuyển:

+ Điểm tốt nghiệp trung học cơ sở

+ Điểm tổng kết các môn học 4 năm trung học cơ sở;

+ Điểm tổng kết các môn học năm cuối cấp trung học cơ sở.

6. Tuyển sinh vào lớp 10 trung tâm giáo dục thường xuyên

- Điều kiện: Học sinh đang học tại các trường trung học cơ sở hoặc các trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn huyện, có hồ sơ hợp lệ và có đủ các điều kiện sau đây được dự xét tuyển vào lớp 10 hệ giáo dục thường xuyên (kèm phụ lục 7: Bảng số liệu chỉ tiêu trung tâm giáo dục thường xuyên).

+ Tốt nghiệp trung học cơ sở

+ Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú trên địa bàn huyện

- Nộp hồ sơ xét tuyển trực tiếp tại trường theo các đợt tuyển sinh trong năm do trường quy định

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do Trung tâm giáo dục thường xuyên phát hành).

+ Học bạ cấp trung học cơ sở (bản chính)

+ Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

+ Bản photo hộ khẩu có chứng thực

+ Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời

V. Việc xét tuyển trẻ mầm non, học sinh lớp 1, lớp 6 học ngoài tuyến tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện

Sau khi tuyển sinh theo địa bàn phân tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh huyện quy định, nếu các trường còn chỉ tiêu, Ban chỉ đạo tuyển sinh sẽ xem xét và xét tuyển bổ sung đối với những học sinh ngoài địa bàn theo nguyện vọng chính đáng của cha mẹ học sinh.

1. Điều kiện xét tuyển học sinh ngoài tuyến

- Chỉ giải quyết ngoài tuyến đối với những trường còn chỉ tiêu tuyển sinh; số lượng giải quyết ngoài tuyến không vượt quá 20% chỉ tiêu tuyển sinh.

- Học sinh khuyết tật học hòa nhập, học sinh là người dân tộc, con gia đình chính sách, có cha hoặc mẹ đang làm việc tại các đơn vị gần trường học nơi cha mẹ đang công tác.

- Học sinh là con của bộ đội, chiến sĩ công an đang làm nhiệm vụ đặc biệt dài hạn; con của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có khó khăn trong việc đưa đón trẻ được ưu tiên xét tuyển vào học tại các trường học gần nơi cha mẹ đang công tác.

Lưu ý: *Điều kiện ưu tiên chỉ áp dụng trong trường hợp trường học sinh xin học ngoài tuyến gần nhà hoặc gần cơ quan của cha mẹ để thuận tiện cho việc đưa đón. Học sinh nộp hồ sơ trái tuyến vẫn phải nộp hồ sơ xét tuyển theo tuyến bình thường.*

2. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị xét tuyển ngoài tuyến của cha mẹ học sinh có xác nhận của cơ quan nơi cha hoặc mẹ đang công tác để làm cơ sở xét tuyển. Các trường hợp còn lại phải có xác nhận của địa phương nơi trẻ đang cư trú

- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ

- Bản photo hộ khẩu có chứng thực

- Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên: giấy xác nhận của cơ quan kèm giấy chứng minh nhân dân của cha, mẹ (nếu học sinh là con của cán bộ công chức); giấy xác nhận của đơn vị kèm giấy chứng minh quân nhân của cha, mẹ nếu học sinh là con của quân nhân;.....v.v)

3. Trình tự, thời gian xét tuyển

- Bước 1: Từ ngày 28/7/2018 đến hết ngày 30/7/2018, Tổ Giúp việc (theo Quyết định của UBND huyện) tiến hành tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra đối chiếu hồ sơ; tổng hợp, lập danh sách trình Hội đồng tuyển sinh xét duyệt từng trường hợp.

- Bước 2: Hội đồng tuyển sinh tổ chức họp xét duyệt từng trường hợp xin học ngoài tuyến.

- Bước 3: Hội đồng tuyển sinh trình Ban Chỉ đạo tuyển sinh phê duyệt danh sách đề nghị xét tuyển ngoài tuyến.

- Bước 4: Ban Chỉ đạo tuyển sinh phê duyệt danh sách học sinh ngoài tuyến.

- Bước 5: Văn phòng HĐND và UBND huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện thực hiện công khai kết quả danh sách được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của UBND huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

- Bước 6: Hiệu trưởng nhận danh sách tuyển sinh đã được phê duyệt của Ban Chỉ đạo tuyển sinh cấp huyện và công khai danh sách tuyển sinh đã được phê duyệt cho phụ huynh và học sinh được biết.

- Bước 7: Hội đồng tuyển sinh của các trường họp để bố trí cho học sinh ngoài tuyến vào học các lớp.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 - 2019; thành lập Ban Chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 - 2019 để chỉ đạo và kiểm tra toàn bộ công tác tuyển sinh của huyện và ở các trường; thành lập Hội đồng tuyển sinh ngoài tuyến và Tổ tiếp nhận, kiểm tra, xét duyệt hồ sơ tuyển sinh các lớp đầu cấp.

- Triển khai kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 - 2019 đến Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Hiệu trưởng trường có tuyển sinh hệ trung cấp chuyên nghiệp để có kế hoạch thực hiện.

2. Đài truyền thanh huyện

Chủ trì, phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, các phòng, ban, đoàn thể huyện, các xã, thị trấn đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 - 2019; vận động người dân thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường" vào đầu năm học mới.

3. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 - 2019 trên địa bàn.

- Thành lập Ban chỉ đạo công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp trên địa bàn.

- Triển khai đến các đơn vị trường học, Ban nhân dân các ấp, Ban điều hành khu phố, các ban ngành đoàn thể tổ chức thực hiện công tác huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp theo đúng tiến độ. Tích cực vận động người dân thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường".

- Rà soát, lập danh sách và vận động các đơn vị hỗ trợ sách, vở, quần áo,... cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn trước ngày khai giảng năm học mới.

4. Hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở

- Xây dựng kế hoạch huy động trẻ ra lớp hoặc tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 - 2019 trên địa bàn.

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh đầu cấp.

- Phân công cán bộ, giáo viên trực hàng ngày để tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhập học của học sinh; tổ chức xét duyệt theo đúng hướng dẫn.

- Tuyệt đối không nhận hồ sơ xin học ngoài tuyến; không giải quyết cho học sinh chuyển trường khi chưa được Ban chỉ đạo tuyển sinh cấp huyện phê duyệt.

- Hiệu trưởng trường tiểu học, trung học cơ sở phổ biến những thông tin cần thiết để cha mẹ học sinh và học sinh biết, tìm hiểu về trường trước khi đăng ký nguyện vọng tuyển sinh.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể huyện

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội, đoàn thể huyện phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung của kế hoạch này; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, người dân tích cực đưa trẻ đến trường.

E. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

- Từ ngày 15 tháng 6 năm 2018, các trường phối hợp với Ban nhân dân ấp, Ban điều hành khu phố gửi thư mời đến phụ huynh có trẻ trong độ tuổi đến trường để vận động các em ra lớp.

- Ban Chỉ đạo huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2018 - 2019 ở các xã, thị trấn báo cáo tiến độ thực hiện về Ban Chỉ đạo huyện (thông qua Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện) theo mốc thời gian như sau:

+ Lần 1: Ngày 19 tháng 7 năm 2018.

+ Lần 2: Ngày 26 tháng 7 năm 2018.

+ Lần 3: Ngày 02 tháng 8 năm 2018.

+ Lần 4: Ngày 09 tháng 8 năm 2018.

+ Lần 5: Ngày 16 tháng 8 năm 2018./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG NHÓM TRẺ, LỚP MẦM, CHỒI VÀ LÁ CÔNG LẬP VÀ NGOÀI CÔNG LẬP NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: 6443 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của UBND huyện Củ Chi)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2013)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm trẻ		Mầm sinh năm 2015		Chồi sinh năm 2014		Chồi sinh năm 2013		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
1. Công lập		**5760**			**466**	**637**	**2**	**42**	**15**	**427**	**53**	**1357**	**90**	**2619**	**181**	**5760**	
1	Tân Phú Trung	513	MN Tân Phú Trung 1	Ấp Đình, Ấp Giữa, Bến Đò 1, Bến Đò 2, Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung.	14	26					1	25	4	120	9	272	**100**
2			MN Tân Phú Trung 2	Ấp Chợ, Láng Cát, Giòng Sao, Phú Lợi, Trạm Bơm, ấp Cây Da, xã Tân Phú Trung.	11	12									11	241	**100**
3	Tân Thông Hội	614	MN Tân Thông Hội 1	Ấp Bàu Sim, ấp Hậu, một phần ấp Trung xã Tân Thông Hội và 1 phần ấp 2, xã Phước Vĩnh An.	12	22			1	25	3	75	3	90	4	133	**100**
4			MN Tân Thông Hội 2	Ấp Tân Định, ấp Thượng, một phần ấp Hậu, một phần ấp Tân Tiến, xã Tân Thông Hội và 1 phần ấp 3, xã Phước Vĩnh An.	17	35	1	18	2	50	4	100	4	120	6	210	**100**
5			MN Tân Thông Hội 3	Ấp Chánh, ấp Tiền, một phần ấp Trung, xã Tân Thông Hội.	13	14					1	25	4	88	4	105	**100**
6			MN Tân Thông Hội 4	Ấp Tân Lập, Tân Tiến, Tân Thành, một phần ấp Tân Định, xã Tân Thông Hội	11	15					1	14	3	66	6	166	**100**
7	Thị Trấn Củ Chi	477	MN Thị Trấn Củ Chi 1	Khu phố 3, Khu phố 8, một phần khu phố 1, một phần khu phố 4, một phần khu phố 5, một phần khu phố 6, 1 phần ấp Tây xã Tân An Hội, một phần ấp Tân Thành xã Tân Thông Hội.	10	16	0	0	0	0	2	50	3	90	5	155	**100**
8			MN Thị Trấn Củ Chi 2	Khu phố 2, Khu phố 4, Khu phố 6, một phần khu phố 7, Thị trấn Củ Chi	21	44	1	24	6	204	6	210	4	140	4	137	**100**

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2013)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm trẻ		Mầm sinh năm 2015		Chồi sinh năm 2014		Chồi sinh năm 2013		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
9	Thị Trấn Củ Chi		MN Thị Trấn Củ Chi 3	Khu phố 1, Khu phố 5, Khu phố 7, một phần khu phố 8, Thị trấn Củ Chi	13	27			1	35	4	100	4	120	4	150	**100**
10			MN Tây Bắc	Một phần khu phố 1, một phần khu phố 8, Thị trấn Củ Chi và các trẻ có ba hoặc mẹ làm việc ở khu công nghiệp Tây Bắc.	12	8			1	25	1	25	1	30	1	35	
11	Phước Hiệp	170	MN Phước Hiệp	Ấp Mũi Côn Đại, Mũi Côn Tiểu, Trại Đèn, Cây Trôm, Ba Sa, Phước Hòa, Trung Viết, xã Phước Hiệp	16	13							1	30	7	170	**100**
12	Thái Mỹ	204	MN Thái Mỹ	Ấp Bình Hạ Đông, Bình Hạ Tây, Mỹ Khánh A, Mỹ Khánh B, Bình Thượng 1, Bình Thượng 2, ấp Tháp, xã Thái Mỹ.	11	24					2	50	3	100	6	204	**100**
13	Trung Lập Hạ	180	MN Trung Lập Hạ	Ấp Trung Hòa, Lào Táo Trung, Gia Bẹ, Xóm Mới, Trảng Lắm, ấp Đồn, xã Trung Lập Hạ.	16	18					1	25	3	90	5	180	**100**
14	Nhuận Đức	194	MN Nhuận Đức	Ấp Bàu Chứa, Bàu Cạp, Bàu Tròn, Bàu Trăn, Xóm Bưng, Canh Lý, Ngã Tư, Đức Hiệp, Bến Đình, xã Nhuận Đức.	20	19			1	25	1	30	3	90	5	194	**100**
15	An Nhơn Tây	250	MN An Nhơn Tây	Ấp Ba Sòng, Bàu Đưng, Gò Nổi, Gò Nổi A, Xóm Mới, Lô 6, Xóm Trại, Gót Chàng, Bến Mương, Chợ Cũ, Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây.	22	24					2	50	3	90	7	250	**100**
16	Phú Mỹ Hưng	139	MN Hoàng Mịnh Đạo	Ấp Phú Lợi, Phú Thuận, Phú Hiệp, Phú Hòa, xã Phú Mỹ Hưng.	12	17					2	38	3	90	4	139	**100**
17	Phạm Văn Cội	227	MN Phạm Văn Cội 1	Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5, xã Phạm Văn Cội; một phần Đức Hiệp, 1 phần Bến Đình, một phần ấp Bàu Cạp xã Nhuận Đức.	11	21			1	25	3	65	3	90	4	140	**100**

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2013)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm trẻ		Mầm sinh năm 2015		Chồi sinh năm 2014		Chồi sinh năm 2013		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
18	Phạm Văn Cội		MN Phạm Văn Cội 2	Ấp 1, Ấp 2, xã Phạm Văn Cội; một phần ấp cây Trắc, một phần ấp Phú Hiệp, xã Phú Hòa Đông.	13	11					1	25	2	60	3	87	**100**
19	Phú Hòa Đông	280	MN Phú Hòa Đông	Ấp Phú An, Phú Mỹ, Phú Thuận, Phú Lợi, Phú Hiệp, Cây Trâm, Bến Cỏ, Cây Trắc, Ấp Chợ, Phú Trung, Phú Hòa, Phú Bình, xã Phú Hòa Đông	19	36					3	75	7	210	8	280	**100**
20	Phước Vĩnh An	249	MN Phước Vĩnh An	Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5, Ấp 6, xã Phước Vĩnh An; một phần Cây Da, xã Tân Phú Trung	15	20					1	25	2	60	7	249	**100**
21	Tân Thạnh Đông	595	MN Tân Thạnh Đông	Ấp 1, Ấp 2, 2A, Ấp 3A, 3B, Ấp 4, 4A, Ấp 5, Ấp 6, 6A, Ấp 7, 7A, Ấp 8, Ấp 9, 9A, Ấp 10, Ấp 11, 11A và một phần Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông.	20	36							3	90	17	595	**100**
22	Tân Thạnh Tây	115	MN Tân Thạnh Tây	Ấp 1, 1A, Ấp 2, 2A, Ấp 3, 3A xã Tân Thạnh Tây, 1 phần ấp 6, xã Tân Thạnh Đông	30	14					2	50	2	60	3	115	**100**
23	Trung An	322	MN Trung An 1	Ấp Chợ, An Hòa, An Bình, Bốn Phú, xã Trung An	7	10							1	35	4	108	**100**
24			MN Trung An 2	Ấp Thạnh An, Hội Thạnh, xã Trung An; Ấp 12, xã Tân Thạnh Đông	13	28			1	25	3	75	3	90	6	214	**100**
25	Hòa Phú	173	MN Hòa Phú	Ấp 1, 1A, Ấp 2, 2A, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5, xã Hòa Phú.	12	19			1	13	1	25	3	90	5	173	**100**
26	Bình Mỹ	235	MN Bình Mỹ	Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4A, 4B-Bình Hòa, 4B - Mỹ Sương, Ấp 5, Ấp 6A, 6B, Ấp 7, Ấp 8, xã Bình Mỹ.	23	14							2	30	10	235	**100**
27	Phước Thạnh	196	MN Phước Thạnh	Ấp Chợ, Phước Hưng, Phước Lộc, Phước An, Bàu Điều, Mây Đắng, Mít Nài, Bàu Điều ấp Thượng, Vườn Trầu, Bàu Trâu, xã Phước Thạnh.	25	28					3	75	5	150	6	196	**100**

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2013)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm trẻ		Mầm sinh năm 2015		Chồi sinh năm 2014		Chồi sinh năm 2013		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
28	Trung Lập Thượng	203	MN Trung Lập Thượng	Ấp Sa Nhỏ, Đồng Lớn, Trung Hiệp Thượng, Ấp Ràng, Lào Táo Thượng, Trung Hưng, Trung Bình, Vân Hàn, xã Trung Lập Thượng.	16	24					2	50	4	120	6	203	**100**
29	Tân An Hội	260	MN Tân An Hội 1	Ấp Bàu Tre 2, Xóm Chùa, Ấp Tây, Ấp Hậu, Xóm Huế, Cây Sộp, xã Tân An Hội.	12	15					1	25	4	90	4	140	**100**
30			MN Tân An Hội 2	Ấp Tam Tân, Mũi Lớn 1, Mũi Lớn 2, Bàu Tre 1, xã Tân An Hội.	7	6									5	120	**100**
31	An Phú	164	MN An Phú	Ấp An Hòa, An Bình, Xóm Chùa, Xóm Thuốc, Phú Bình, Phú Trung, xã An Phú	12	21					2	50	3	90	5	164	**100**
2. Ngoài công lập					**122**	**216**			**18**	**352**	**28**	**640**	**35**	**959**	**34**	**1177**	
1	Tân Thông Hội	100	MN Thủy Tiên		7	14					2	50	2	60	3	100	
2		34	MN Thành Danh		6	12			2	50	1	25	2	60	1	34	
3	Thị Trấn Củ Chi	105	MN ABC		8	16			1	25	2	50	2	60	3	105	
4		140	MN Hoa Lan		13	26			2	50	3	75	4	105	4	140	
5		70	MN Sơn Ca		8	16			2	50	2	50	2	60	2	70	
6	Phước Hiệp	35	MN Sao Việt		7	12			2	30	1	25	2	44	1	35	
7	Tân Thạnh Tây	70	MN Trúc Xanh		10	11			1	13	1	25	2	60	2	70	
8		35	MN Tuổi Ngọc		4	7			1	13	1	25	1	30	1	35	
9	Hòa Phú	105	MN Tuổi Ngọc		8	16			1	25	2	50	2	60	3	105	
10		35	MN Anh Dũng		6	9			1	25	1	25	2	45	1	35	
11	Phước Thạnh	105	MN Hoa Hồng		9	16			2	20	1	25	3	90	3	105	
12	Tân An Hội	70	MN Sư Đoàn 9		7	12			1	13	2	38	2	60	2	70	
13	Tân Thạnh Đông	28	MN Bé Thông Minh		5	10			1	25	2	50	1	30	1	28	
14		35	MN Ánh Dương Samho		5	6			1	13	1	13	1	30	1	35	

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2013)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm trẻ		Mầm sinh năm 2015		Chồi sinh năm 2014		Chồi sinh năm 2013		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
15	Tân Phú Trung	70	MN Hòoàng Anh		5	11					1	25	2	60	2	70	
16		70	MN Trái Tim Thơ		8	10					3	39	3	45	2	70	
17	TL Thượng	70	MN Tuường Vy		6	12					2	50	2	60	2	70	
3. Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục					***190***	***288***			***24***	***479***	***75***	***1321***	***74***	***1703***			
1	Xã Tân Phú Trung		MG Phù Đổng		2	3					1	13	1	30			
2			MG Văn Lang		2	3					1	13	1	30			
3			MG Hướng Dương		2	2					1	15		10			
4			MG Thanh Bình		2	3					1	25	1	15			
5			MG Búp Măng		2	4					1	25	1	25			
6			MG Trúc Phương		2	3					1	13	1	30			
7			MG Như Ý		2	3					1	13	1	30			
8			NT Yến Nhi		2	2			1	25							
9			MG Hoa Mặt Trời		2	3					1	25	1	15			
10			MG Hoa Sen		2	2					1	13	1	15			
11			MG Vườn Hồng		1	2					1	13	1	15			
12			MG Hoa Thiên Lý		3	3					1	13	1	27			
13	Tân Thông Hội		MG Tuổi Thần Tiên		4	5					1	15	2	35			
14			MG Mai Vàng		2	3					1	13	1	25			
15			NT Nắng Mới		2	4			2	48							
16			NT Tia Nắng		2	3			2	38							
17			MG Kim Đồng		2	3					1	25	1	15			
18			MG Thiên Thần		3	3					1	13	1	30			
19			MG Cát Tường		2	2					1	13	1	15			
20	Tân Thông Hội		MG Hoa Mai		2	4					1	25	1	25			
21			NT Cẩm Nhung		1	2			1	25							
22			NT Huy Hoàng		1	3			1	25							
23	Thị Trấn Củ Chi		NT Triều Ân		1	2			1	20							
24			MG Hoàng Dung		2	4					1	25	1	25			
25			MG Tuổi Thơ		3	4					1	20	2	30			
26			MG Ánh Tuyết		2	4					1	25	1	25			

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2013)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm trẻ		Mầm sinh năm 2015		Chồi sinh năm 2014		Chồi sinh năm 2013		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
27	Thị trấn Củ Chi		MG Ngôi Sao Mai		2	4					1	20	1	30			
28	Phước Vĩnh An		MG Sen Việt		2	3					1	13	1	30			
29			MG Thanh Minh		2	3					1	13	1	29			
30			NT Thần Đồng Việt		2	3			2	25							
31			MG Trí Việt		3	4					1	25	1	25			
32			MG Hoa Tigon		3	3					1	13	2	30			
33			MG Thiện Ân		2	4					1	20	1	20			
34			MG Xuân Thư		3	2					1	13	1	15			
35	Phước Thạnh		MG Hoa Phượng		2	4					1	25	1	25			
36	Phước Hiệp		MG Hạnh Phúc		2	4					1	20	1	30			
37			NT Bé Thơ		1	2			1	25							
38	Trung An		MG Thiên Ân		3	4					1	25	1	25			
39			MG Quốc Dũng		2	4					1	20	1	30			
40			MG Quốc Dũng 2		3	5					1	25	1	25			
41			MG Hồng Nhung		2	3					1	13	1	30			
42			MG Hoa Trang		2	2					1	13	1	15			
43			MG Ban Mai		3	4					1	20	1	30			
44			MG Ánh Khang		2	4					1	20	1	30			
45			MG Bé Ngoan		2	4					1	20	1	30			
46			MG Minh An		2	4					1	20	1	25			
47	Hòa Phú		MG Ánh Mai		2	3					1	13	1	25			
48			MG Hoa Mạ Non		2	2					1	13	1	15			
49			MG Bông Hoa Nhỏ		2	2					1	13	1	15			
50			MG Bé Xinh		2	3					1	25	1	20			
51			MG Hoa Mai Trắng		2	2					1	13	1	25			
52	Bình Mỹ		MG Ánh Dương		3	4					1	20	2	30			
53			MG Phát Triển		3	4					1	25	1	25			
54			MG Ánh Bình Minh		2	4					1	20	1	30			
55			MG Măng Non		3	4					2	25	1	25			
56			MG Hoa Hồng Nhung		2	4					1	25	1	25			

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2013)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm trẻ		Mầm sinh năm 2015		Chồi sinh năm 2014		Chồi sinh năm 2013		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
57	Bình Mỹ		MG Thảo Ngọc		3	4					1	25	1	25			
58			MG Hoa Quỳnh		2	4					1	25	1	25			
59			MG Bồ Câu Trắng		2	5					1	20	1	30			
60			MG Quỳnh Anh		1	2					1	13		15			
61			MG Hoa Anh Đào		3	6					1	24	1	26			
62			MG Việt Anh		4	6					2	25	2	25			
63			MG Sóc Nâu		2	2					1	13	1	15			
64	Phú Hòa Đông		MG Đại Dương		1	2					1	13	1	15			
65			MG Thương Hiền		3	6					2	32	1	18			
66	Tân Thạnh Đông		MG Vân Anh		2	4					1	25	1	25			
67			NT Vườn Họa Mi		2	4			2	35							
68			MG Sao Vàng		3	3					1	13	1	25			
69			MG Vy Vy		2	3					1	13	1	25			
70			MG Yến My		2	4					1	22	1	28			
71			MG Sao Mai		2	3					1	13	1	20			
72			MG Ánh Sao		2	4					1	20	1	20			
73			MG Mặt Trời Hồng		2	4					1	25	1	25			
74			MG Vân Anh 2		2	3					1	13	1	25			
75			NT Kim Cương		2	4			2	45							
76	Tân Thạnh Tây		MG Huệ Anh		3	4					1	25	1	25			
77	Phạm Văn Cội		NT Thanh Tâm		1	1			1	13							
78			MG Thanh Lan		3	4					2	25	1	30			
79	Nhuận Đức		MG Bảo Ngọc		2	2					1	13	1	15			
80			NT Đôremi		3	2			2	25							
81	An Nhơn Tây		NT Ngôi Sao		1	2			1	25							
82			NT Hồng Hạnh		1	2			1	25							
83	Trung Lập Hạ		NT Sen Hồng		2	3			1	30							
84			MG Con Ong Nhỏ		2	3					1	13	1	25			
85			MG Ong Vàng		2	2					1	13	1	15			

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng số trẻ trong xã, thị trấn (5 tuổi sinh 2013)	Tên trường mầm non	Địa bàn tuyển sinh	Số phòng học	Tổng số giáo viên hiện có	Trẻ từ 06 đến 18 tháng tuổi		Nhóm trẻ		Mầm sinh năm 2015		Chồi sinh năm 2014		Chồi sinh năm 2013		Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi
							Nhóm	Số trẻ	Nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	
86	Trung Lập Hạ		MG Ly Ly		2	1							1	15			
87			MG Hoa Quỳnh Anh		2	2					1	13		15			
88	An Phú		NT Mặt Trời Nhỏ		3	6			3	50							
Tổng cộng:					**778**	**1141**	**2**	**42**	**57**	**1258**	**156**	**3318**	**199**	**5281**	**215**	**6937**	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG XÃ ,THỊ TRẤN, TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: 6443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	**Cộng**	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
			Tổng cộng:	**6324**	**906**	**7230**	**201**	**35,0**	**8**	**193**	**19**	**1**	**107**	**7230**	**3018**	**100%**
1	Tân Phú	Công lập	Ấp Cây Da (từ tổ 3 đến tổ 10), xã Tân Phú Trung	45	11	56	10	35	2	8	2		4	380	150	100%
			Ấp Phú Lợi, xã Tân Phú Trung	29	5	34										
			Ấp Giòng Sao, xã Tân Phú Trung	46	1	47										
			Ấp Láng Cát, xã Tân Phú Trung	48	4	52										
			Ấp Giữa (từ tổ 6 đến tổ 16), xã Tân Phú Trung	37	15	52										
			Ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung	32	2	34										
			Ấp Chợ, xã Tân Phú Trung	48	8	56										
			Ấp Xóm Đồng (từ tổ 1 đến tổ 8), xã Tân Phú Trung	14	7	21										
			Ấp Đình (từ tổ 1 đến tổ 8), xã Tân Phú Trung	23	5	28										
			Cộng:	**322**	**58**	**380**										
2	Tân Phú Trung	Công lập	Ấp Cây Da (tổ 1, tổ 2), xã Tân Phú Trung	4	2	6	10	35		10	2		5	245	175	100%
			Ấp Bến Đò 1, xã Tân Phú Trung	57	6	63										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	**Cộng**	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
	Tân Phú Trung		Ấp Bến Đò 2, xã Tân Phú Trung	36	13	49										
			Ấp Giữa (từ tổ 1 đến tổ 5A), xã Tân Phú Trung	11	4	15										
			Ấp Xóm Đồng (từ tổ 9 đến tổ 15), xã Tân Phú Trung	21	9	30										
			Ấp Đình (từ tổ 9 đến tổ 30), xã Tân Phú Trung	57	13	70										
			Tổ 4, 5, 6 ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội	9	3	12										
			Cộng:	**195**	**50**	**245**										
3	Tân Thông Hội	Công lập	Ấp Hậu, xã Tân Thông Hội	66	4	70	3	35		3			3	152	30	100%
			Ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội	66	6	72										
			Ấp Thượng (tổ 1 đến tổ 8), xã Tân Thông Hội	10		10										
			Tổ 3 Ấp 3, xã Phước Vĩnh An													
			Cộng:	**142**	**10**	**152**										
4	Tân Thông	Công lập	Ấp Chánh, xã Tân Thông Hội	50	12	62	6	35		6	4		4	256	140	100%
			Ấp Thượng (tổ 9 đến tổ 15), xã Tân Thông Hội	39	10	49										
			Ấp Tiền, xã Tân Thông Hội	52	15	67										
			Ấp Trung, xã Tân Thông Hội	68	10	78										
			Cộng:	**209**	**47**	**256**										
5	Tân Tiến	Công lập	Ấp Tân Tiến, xã Tân Thông Hội	45	43	88	7	35		7			3	315	100	100%
			Ấp Tân Lập, xã Tân Thông Hội	33	25	58										
			Ấp Tân Định, xã Tân Thông Hội	74	45	119										
			Ấp Tân Thành, xã Tân Thông Hội	25	20	45										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
	Tân Tiến		Tổ 4A, 4B, 5, 9A Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	5		5										
			Cộng:	**182**	**133**	**315**										
6	Lê Thị Pha	Công lập	Ấp Xóm Chùa, xã Tân An Hội	48		48	4	35		4				133		100%
			Ấp Tây, xã Tân An Hội	27		27										
			Xóm Huế, xã Tân An Hội	32		32										
			Ấp Hậu, xã Tân An Hội	17		17										
			Tổ 8 khu phố 5, Thị trấn Củ Chi	9		9										
			Cộng:	**133**		**133**										
7	Nguyễn Văn Lịch	Công lập	Ấp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội	53	12	65	4	35		4			4	142	60	100%
			Ấp Mũi Lớn 2, xã Tân An Hội	44	10	54										
			Ấp Tam Tân, xã Tân An Hội	17	6	23										
			Cộng:	**114**	**28**	**142**										
8	Liên Minh Công Nông	Công lập	Ấp Bàu Tre 1, xã Tân An Hội	68	8	76	5	35		5			3	205	100	100%
			Ấp Bàu Tre 2, xã Tân An Hội	48	6	54										
			Ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội	52	7	59										
			Ấp Trung Viết, xã Phước Hiệp	16		16										
			Cộng:	**184**	**21**	**205**										
9	Thị Trấn Củ Chi	Công lập	Khu phố 1, Thị trấn Củ Chi (học sinh có hộ khẩu ở Thị trấn Củ Chi từ tháng 6/2013 trở về trước)	51		51	6	35		6		1	6	189	189	100%
			Khu phố 2 (Tổ 1, 2, 10, 11), Thị trấn Củ Chi (học sinh có hộ khẩu ở Thị trấn Củ Chi từ tháng 6/2013 trở về trước)	34		34										
			Khu phố 7, Thị trấn Củ Chi (học sinh có hộ khẩu ở Thị trấn Củ Chi từ tháng 6/2013 trở về trước)	56		56										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
	Thị trấn Củ Chi		Khu phố 8, Thị trấn Củ Chi (học sinh có hộ khẩu ở Thị trấn Củ Chi từ tháng 6/2013 trở về trước)	48		48										
			Cộng:	**189**		**189**										
10	Thị Trấn Củ Chi 2	Công lập	Khu phố 2 (từ tổ 3 đến tổ 9), Thị trấn Củ Chi	27	13	40	2	35		2	1		2	76	40	100%
			Khu phố 5, Thị trấn Củ Chi	18	10	28										
			Học sinh trên địa bàn Trường Thị trấn Củ Chi nhưng có Hộ khẩu ở Thị trấn Củ Chi từ sau tháng 6/2013 đến nay.	8		8										
			Cộng:	**53**	**23**	**76**										
11	Tân Thành	Công lập	Khu phố 3, Thị trấn Củ Chi	73		73	5	35		5			5	157	100	100%
			Khu phố 4, Thị trấn Củ Chi	43		43										
			Khu phố 6, Thị trấn Củ Chi	24		24										
			Tổ 9B, 10, 11 Ấp 3, xã Phước Vĩnh An	7		7										
			Tổ 1, 2, 11, 12 ấp Cây Sộp, xã Tân An Hội	10		10										
			Cộng:	**157**		**157**										
12	Phước Vĩnh An	Công lập	Ấp 2, xã Phước Vĩnh An	12	3	15	4	35		4			3	154	100	100%
			Ấp 3 , xã Phước Vĩnh An	40	5	45										
			Ấp 4, xã Phước Vĩnh An	80	14	94										
			Cộng:	**132**	**22**	**154**										
13	Trần Văn Chẩm	Công lập	Ấp 1, xã Phước Vĩnh An	53	6	59	4	35		4			3	160	40	100%
			Ấp 5, xã Phước Vĩnh An	47	4	51										
			Ấp 6, xã Phước Vĩnh An	46	4	50										
			Cộng:	**146**	**14**	**160**										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
14	Phước Hiệp	Công lập	Ấp Ba Sa, xã Phước Hiệp	24		24	6	35		6			2	209	72	100%
			Ấp Mũi Côn Đại, xã Phước Hiệp	38		38										
			Ấp Mũi Côn Tiểu, xã Phước Hiệp	36		36										
			Ấp Trại Đèn, xã Phước Hiệp	24		24										
			Ấp Phước Hòa, xã Phước Hiệp	35		35										
			Ấp Cây Trôm, xã Phước Hiệp	52		52										
			Cộng:	**209**		**209**										
15	Phước Thạnh	Công lập	Ấp Chợ, xã Phước Thạnh	42		42	6	35		6				188		100%
			Ấp Phước An, xã Phước Thạnh	43		43										
			Ấp Phước Lộc, xã Phước Thạnh	34		34										
			Ấp Mây Đắng, xã Phước Thạnh	29		29										
			Ấp Vườn Trầu, xã Phước Thạnh	26		26										
			Tổ 7, 8, 8A ấp Mỹ Khánh A; Tổ 1, 7 ấp Mỹ Khánh B, xã Thái Mỹ	14		14										
			Cộng:	**188**		**188**										
16	An Phước	Công lập	Ấp Phước Hưng, xã Phước Thạnh	39	5	44	4	35		4			3	132	20	100%
			Ấp Bàu Điều, xã Phước Thạnh	33		33										
			Ấp Bàu Điều Thượng, xã Phước Thạnh	30		30										
			Ấp Mít Nài, xã Phước Thạnh	13		13										
			Ấp Bàu Trâu, xã Phước Thạnh	12		12										
			Cộng:	**127**	**5**	**132**										
17	Thái Mỹ	Công lập	Ấp Bình Thượng 1, xã Thái Mỹ	58		58	6	35		6			6	233	40	100%
			Ấp Bình Thượng 2, xã Thái Mỹ	25		25										
			Ấp Bình Hạ Tây, xã Thái Mỹ	29		29										
			Ấp Bình Hạ Đông, xã Thái Mỹ	39		39										
			Ấp Tháp, xã Thái Mỹ	21		21										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	**Cộng**	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
	Thái Mỹ		Mỹ Khánh A (từ tổ 1 đến 6 và từ tổ 9 đến 14), xã Thái Mỹ	45		45										
			Mỹ Khánh B (tổ 2, 4, 5, 6, 8, 8A), xã Thái Mỹ	16		16										
			Cộng:	**233**		**233**										
18	Lê Văn Thế	Công lập	Ấp Gia Bẹ, xã Trung Lập Hạ	11	2	13	7	35		7			7	234	234	100%
			Ấp Xóm Mới, xã Trung Lập Hạ	55	5	60										
			Ấp Trảng Lắm, xã Trung Lập Hạ	41	8	49										
			Ấp Cây Sộp (tổ 6 đến 10 và tổ 13 đến tổ 20), xã Tân An Hội	35	12	47										
			Ấp Lào Táo Trung, xã Trung Lập Hạ	26		26										
			Ấp Lào Táo Thượng, xã Trung Lập Thượng	39		39										
			Cộng:	**207**	**27**	**234**										
19	Trung Lập Hạ	Công lập	Ấp Vân Hàn, xã Trung Lập Thượng	36		36	4	35		4				181		100%
			Ấp Trung Hưng, xã Trung Lập Thượng	20		20										
			Ấp Đồn, xã Trung Lập Hạ	46	4	50										
			Ấp Trung Hòa, xã Trung Lập Hạ	13		13										
			Ấp Trung Bình, xã Trung Lập Hạ	46	3	49										
			Tổ 1, 2 ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây	13		13										
			Cộng:	**174**	**7**	**181**										
20	Trung Lập Thượng	Công lập	Ấp Sa Nhỏ, xã Trung Lập Thượng	22		22	4	35		4				123		100%
			Ấp Đồng Lớn, xã Trung Lập Thượng	31		31										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	**Cộng**	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
	Trung Lập Thượng		Ấp Ràng, xã Trung Lập Thượng	25		25										
			Ấp Trung Hiệp Thạnh, xã Trung Lập Thượng	37		37										
			Ấp Phú Thuận (tổ 1, 2); Phú Hòa (tổ 5) xã Phú Mỹ Hưng	8		8										
			Cộng:	**123**		**123**										
21	Nhuận Đức	Công lập	Ấp Bàu Chứa, xã Nhuận Đức	17		17	7	35		7			3	235	105	100%
			Ấp Bàu Cạp, xã Nhuận Đức	24		24										
			Ấp Đức Hiệp, xã Nhuận Đức	29		29										
			Ấp Bàu Tròn, xã Nhuận Đức	14		14										
			Ấp Ngã Tư, xã Nhuận Đức	25		25										
			Ấp Canh Lý (tổ 1, 2, 5), xã Nhuận Đức	27		27										
			Ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức	37		37										
			Ấp Xóm Bưng, xã Nhuận Đức	28		28										
			Ấp Bàu Trăn, xã Nhuận Đức	34		34										
			Cộng:	**235**		**235**										
22	Phạm Văn Cội	Công lập	Ấp 1, xã Phạm Văn Cội	24	2	26	5	35		5	5		4	161	175	100%
			Ấp 2, xã Phạm Văn Cội	27	3	30										
			Ấp 3, xã Phạm Văn Cội	52	6	58										
			Ấp 4, xã Phạm Văn Cội	21	2	23										
			Ấp 5, xã Phạm Văn Cội	22	2	24										
			Tổ 6 ấp Bến Đình, xã Nhuận Đức													
			Cộng:	**146**	**15**	**161**										
23	An Nhơn Đông	Công	Ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây	36		36	5	35		5			5	152	175	100%
			Ấp Gò Nổi A, xã An Nhơn Tây	17		17										
			Ấp Lô 6, xã An Nhơn Tây	19		19										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	**Cộng**	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
	An Nhơn Đông		Ấp Xóm Mới (tổ 1 đến 7, tổ 9, 10), xã An Nhơn Tây	31		31										
			Ấp Bà Sòng, xã An Nhơn Tây	22		22										
			Ấp Bàu Đưng, xã An Nhơn Tây	12		12										
			Tổ 3, 4 ấp Canh Lý, xã Nhuận Đức	15		15										
			Cộng:	**152**		**152**										
24	An Nhơn Tây	Công lập	Ấp Bến Mương, xã An Nhơn Tây	20	3	23	4	35		4	2			146		100%
			Ấp Gót Chàng, xã An Nhơn Tây	33	3	36										
			Ấp Chợ Cũ, xã An Nhơn Tây	20	4	24										
			Ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây	28	4	32										
			Ấp Xóm Trại, xã An Nhơn Tây	24	3	27										
			Ấp Xóm Mới (tổ 8), xã An Nhơn Tây	4		4										
			Tổ 9 đến 12 ấp Xóm Chùa, xã An Phú													
			Cộng:	**129**	**17**	**146**										
25	An Phú 1	Công lập	Ấp An Hòa, xã An Phú	39		39	3	35		3	3		3	72	72	100%
			Ấp Xóm Thuốc, xã An Phú	33		33										
			Cộng:	**72**		**72**										
26	An Phú 2	Công lập	Ấp An Bình, xã An Phú	26		26	4	35		4				115		100%
			Ấp Xóm Chùa, xã An Phú	35		35										
			Ấp Phú Bình, xã An Phú	34		34										
			Ấp Phú Trung, xã An Phú	20		20										
			Cộng:	**115**		**115**										
27	Phú Mỹ Hưng	Công lập	Ấp Phú Lợi, xã Phú Mỹ Hưng	35	2	37	4	35		4				118		100%
			Ấp Phú Hiệp, xã Phú Mỹ Hưng	40	2	42										
			Ấp Phú Thuận, xã Phú Mỹ Hưng	20	2	22										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	**Cộng**	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
	Phú Mỹ Hưng		Ấp Phú Hòa, xã Phú Mỹ Hưng	17		17										
			Cộng:	**112**	**6**	**118**										
28	Phú Hòa Đông	Công lập	Ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông	35	3	38	6	35	6					239		100%
			Ấp Phú Trung, xã Phú Hòa Đông	25		25										
			Ấp Phú Lợi, xã Phú Hòa Đông	41	1	42										
			Ấp Ấp Chợ, xã Phú Hòa Đông	16	2	18										
			Ấp Phú An, xã Phú Hòa Đông	28		28										
			Ấp Phú Bình, xã Phú Hòa Đông	34	1	35										
			Ấp Bến Cỏ, xã Phú Hòa Đông	37	1	38										
			Ấp Phú Mỹ (tổ 18, 20), xã Phú Hòa Đông	5		5										
			Ấp Phú Hòa (tổ 26, 27, 28c), xã Phú Hòa Đông	7		7										
			Tổ 7, 8 ấp Bốn Phú, xã Trung An		3	3										
			Cộng:	**228**	**11**	**239**										
29	Phú Hòa Đông 2	Công lập	Ấp Phú Hiệp, xã Phú Hòa Đông	51	1	52	5	35		5			5	162	175	100%
			Ấp Cây Trắc, xã Phú Hòa Đông	14		14										
			Ấp Cây Trâm, xã Phú Hòa Đông	41	4	45										
			Ấp Phú Mỹ (từ tổ 11 đến tổ 17; tổ 19; tổ 21), xã Phú Hòa Đông	25		25										
			Ấp Phú Hòa (từ tổ 22 đến 25, tổ 28A, 28B), xã Phú Hòa Đông	25	1	26										
			Cộng:	**156**	**6**	**162**										
30	Tân Thạnh Tây	Công lập	Ấp 1, xã Tân Thạnh Tây	39	10	49	6	35		6			6	215	215	100%
			Ấp 2, xã Tân Thạnh Tây	33	8	41										
			Ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây	43	6	49										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
	Tân Thạnh Tây		Ấp 3, xã Tân Thạnh Tây	43	5	48										
			Ấp 3A, xã Tân Thạnh Tây	23	5	28										
			Cộng:	**181**	**34**	**215**										
31	Trung An	Công lập	Ấp Hội Thạnh, xã Trung An	56	19	75	6	35		6			2	270	80	
			Ấp Ấp Chợ, xã Trung An	44	25	69										
			Ấp An Bình, xã Trung An	28	7	35										
			Ấp An Hòa, xã Trung An	47	12	59										
			Ấp Bốn Phú, xã Trung An	23	7	30										
			Tổ 5, 6, 8, 9 Ấp 5, xã Hòa Phú		2	2										
			Cộng:	**198**	**72**	**270**										
32	Hòa Phú	Công lập	Ấp 1, xã Hòa Phú	33	20	53	7	35		7			2	315	85	100%
			Ấp 1A, xã Hòa Phú	24	13	37										
			Ấp 2, xã Hòa Phú	29	14	43										
			Ấp 2A, xã Hòa Phú	15	7	22										
			Ấp 3, xã Hòa Phú	29	15	44										
			Ấp 4, xã Hòa Phú	36	25	61										
			Ấp 5, xã Hòa Phú	34	21	55										
			Cộng:	**200**	**115**	**315**										
33	Bình Mỹ	Công lập	Ấp 6A, xã Bình Mỹ	13		13	3	35		3			3	106	106	100%
			Ấp 6B, xã Bình Mỹ	27	8	35										
			Ấp 7, xã Bình Mỹ	31	6	37										
			Ấp 8, xã Bình Mỹ	13	8	21										
			Cộng:	**84**	**22**	**106**										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	Cộng	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
34	Bình Mỹ 2	Công lập	Ấp 1, xã Bình Mỹ	17	16	33	5	35		5				177		1
			Ấp 2, xã Bình Mỹ	13	3	16										
			Ấp 3, xã Bình Mỹ	12	1	13										
			Ấp 4A, xã Bình Mỹ	22	12	34										
			Ấp 4B, xã Bình Mỹ	16	14	30										
			Ấp 5, xã Bình Mỹ	25	26	51										
			Cộng:	**105**	**72**	**177**										
35	Tân Thạnh Đông	Công lập	Ấp 1, xã Tân Thạnh Đông	44		44	7	35		7			7	222	100	100%
			Ấp 2, xã Tân Thạnh Đông	32		32										
			Ấp 2A, xã Tân Thạnh Đông	19		19										
			Ấp 9, xã Tân Thạnh Đông	31		31										
			Ấp 10, xã Tân Thạnh Đông	43		43										
			Ấp 11, xã Tân Thạnh Đông	32		32										
			Ấp 11A, xã Tân Thạnh Đông	21		21										
			Cộng:	**222**		**222**										
36	Tân Thạnh Đông 2	Công lập	Ấp 3A, xã Tân Thạnh Đông	54	4	58	6	35		6			2	273	70	100%
			Ấp 3B, xã Tân Thạnh Đông	44	5	49										
			Ấp 4, xã Tân Thạnh Đông	50	4	54										
			Ấp 4A, xã Tân Thạnh Đông	18	3	21										
			Ấp 5 (từ tổ 10 đến tổ 12), xã Tân Thạnh Đông	10		10										
			Ấp 7 (tổ 1 đến tổ 5), xã Tân Thạnh Đông	20		20										
			Ấp 8, xã Tân Thạnh Đông	44	4	48										
			Ấp 9A, xã Tân Thạnh Đông	12	1	13										
			Cộng:	**252**	**21**	**273**										

TT	Trường tiểu học	Loại hình	Tên ấp, khu phố, xã, thị trấn	Tổng số trẻ 6 tuổi			Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận							Tỷ lệ huy động
									Số lớp					Số học sinh		
				Thường trú	Tạm trú	**Cộng**	TS Lớp	Số HS/ lớp	Học 1 buổi	Học 2 buổi	Tăng cường ngoại ngữ	Đề án Tiếng Anh tích hợp	Bán trú	Tổng số HS	Trong đó số HS bán trú	
37	Tân Thạnh Đông 3	Công lập	Ấp 5 (tổ 1 đến 9; tổ 13 đến 16), xã Tân Thạnh Đông	44	6	50	6	35		6				178		100%
			Ấp 6 (các tổ từ đường 130 đến Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 3), xã Tân Thạnh Đông	15	2	17										
			Ấp 6A, xã Tân Thạnh Đông	32	3	35										
			Ấp 7 (tổ 6 - tổ 9), xã Tân Thạnh Đông	17	5	22										
			Ấp 7A, xã Tân Thạnh Đông	42	4	46										
			Ấp 12 (tổ 1, tổ 11), xã Tân Thạnh Đông	7	1	8										
			Cộng:	**157**	**21**	**178**										
38	TH-THCS Tân Trung	Công lập	Ấp 1A, xã Tân Thạnh Tây	37	17	54	5	35		5			2	210	70	100%
			Ấp Thạnh An, xã Trung An	85	25	110										
			Ấp 6 (các tổ từ đường 130 đến Trường TH-THCS Tân Trung), xã Tân Thạnh Đông	13	3	16										
			Ấp 12 (tổ 2 đến tổ 10 và tổ 12), xã Tân Thạnh Đông	26	4	30										
			Cộng:	**161**	**49**	**210**										

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3A: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 1 TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH TRƯỜNG TIỂU HỌC NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: 6443 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường Tiểu học	Loại hình	Số lớp tăng cường	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú (Ghi cụ thể ngoại ngữ tăng cường)
	Tổng cộng:		**22**	**770**	**280**	
1	Tân Phú	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh
2	Tân Phú Trung	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh
3	Thị trấn Củ Chi 2	Công lập	1	35	35	Tăng cường Tiếng Anh
4	Tân Thông	Công lập	4	140	35	Tăng cường Tiếng Anh
5	Nhuận Đức	Công lập	3	105	35	Tăng cường Tiếng Anh
6	Phạm Văn Cội	Công lập	5	175	35	Tăng cường Tiếng Anh
7	An Phú 1	Công lập	3	105	35	Tăng cường Tiếng Anh
8	An Nhơn Tây	Công lập	2	70	35	Tăng cường Tiếng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3B: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 1 CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP: "DẠY VÀ HỌC CÁC MÔN TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM" TRƯỜNG TIỂU HỌC, NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: 6443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường Tiểu học	Loại hình	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
	Tổng cộng:		**1**	**35**	**35**	
1	Thị trấn Củ Chi	Công lập	1	35	35	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 4 : BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ TỪNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: 6443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của UBND huyện Củ Chi)

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
						Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
		TỔNG CỘNG	**6954**	**161**		**26**	**135**	**10**	**1**	**10**	**6954**	
1	Tân Phú Trung	Trường TH Tân Phú Ấp Xóm Đồng, xã Tân Phú Trung	392	17	45		17	2			756	
		Trường TH Tân Phú Trung Ấp Đình, xã Tân Phú Trung	356									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (Hộ khẩu xã Tân Phú Trung)	7									
		Trường TH Liên Minh Công Nông (Hộ khẩu xã Tân Phú Trung)	1									
		CỘNG	**756**									
2	Tân Thông Hội	Trường TH Tân Thông Ấp Chánh, xã Tân Thông Hội	300	9	45		9	2			403	
		Trường TH Tân Thông Hội Ấp Hậu, xã Tân Thông Hội	103									
		CỘNG	**403**									
3	Tân Tiến	Trường TH Tân Tiến Ấp Tân Tiến, xã Tân Thông Hội	238	6	45		6				263	

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
	Tân Tiến	Trường TH Thị trấn Củ Chi (Hộ khẩu xã Tân Thông Hội)	21									
		Trường TH Tân Thành (Hộ khẩu xã Tân Thông Hội)	4									
		CỘNG	**263**									
4	Thị trấn	Trường TH Thị Trấn Củ Chi (HS quận, huyện, tỉnh khác tạm trú Thị trấn Củ Chi)	25	6	45		6	1		3	268	
		Trường TH Thị Trấn Củ Chi 2 (HK ở KP5 và huyện, tỉnh khác đến tạm trú TTCC)	45									
		Trường TH Lê Thị Pha Ấp Xóm Huế, xã Tân An Hội	110									
		Trường TH Tân Thành (HS ở quận, huyện, tỉnh khác đến tạm trú Thị trấn Củ Chi)	67									
		Trường TH Liên Minh Công Nông (HK ở Thị trấn Củ Chi)	1									
		Học sinh ở Trường TH Thị trấn Củ Chi, Thị trấn Củ Chi 2, Tân Thành có Hộ khẩu ở Thị trấn Củ Chi từ sau tháng 6/2013 đến nay.	20									
		CỘNG	**268**									
5	Thị trấn 2	Trường TH Thị Trấn Củ Chi (Hộ khẩu ở Khu phố 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, Thị trấn Củ Chi từ tháng 6/2013 trở về trước)	186	8	45		8	2	1	4	325	
		Trường TH Tân Thành (Hộ khẩu ở Khu phố 3,7, Thị trấn Củ Chi từ tháng 6/2013 trở về trước)	111									

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
						Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
	Thị trấn 2	Trường TH Thị Trấn Củ Chi 2 (HS có HK ở KP 2,3,6,8, Thị trấn Củ Chi từ tháng 6/2013 trở về trước)	28									
		CỘNG	**325**									
6	Phước Vĩnh An	Trường TH Phước Vĩnh An Ấp 4, xã Phước Vĩnh An	137	7	45		7				318	
		Trường TH Trần Văn Chẩm Ấp 5, xã Phước Vĩnh An	153									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK xã Phước Vĩnh An)	18									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi 2 (HK xã Phước Vĩnh An)	1									
		TH Tân Thành (HK xã Phước Vĩnh An)	9									
		CỘNG	**318**									
7	Tân An Hội	Trường TH Nguyễn Văn Lịch (Ấp Mũi Lớn 1, Mũi Lớn 2, Tam Tân, xã Tân An Hội)	154	6	45		6			2	377	
		Trường TH Liên Minh Công Nông Ấp Bàu Tre 2, Xã Tân An Hội	145									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK xã Tân An Hội)	47									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi 2 (HK xã Tân An Hội)	9									
		TH Tân Thành (HK xã Tân An Hội)	22									
		CỘNG	**377**									

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
8	Phước Hiệp	Trường TH Phước Hiệp Ấp Phước Hòa, xã Phước Hiệp	181	5	45		5				220	
		Trường TH Liên Minh Công Nông HK xã Phước hiệp	24									
(8)	Phước Hiệp	Trường TH TT Củ Chi (HK xã Phước Hiệp)	13									
		Trường TH TT Củ Chi 2 (HK xã Phước Hiệp)	2									
		CỘNG	**220**									
9	Phước Thạnh	Trường TH Phước Thạnh Ấp Phước An, xã Phước Thạnh	183	7	45		7				291	
		Trường TH An Phước Ấp Phước Hưng, xã Phước Thạnh	105									
		Trường TH TT Củ Chi (HK xã Phước Thạnh)	3									
		CỘNG	**291**									
10	Nguyễn Văn Xơ	Trường TH Thái Mỹ Ấp Bình Thượng 1, xã Thái Mỹ	214	5	45		5				216	
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK tại xã Thái Mỹ)	1									
		Trường TH TT Củ Chi 2 (HK tại xã Thái Mỹ)	1									
		CỘNG	**216**									
11	Trung Lập Hạ	Trường TH Lê Văn Thế Ấp Gia Bẹ, xã Trung Lập Hạ	104	3	45		3				125	
		Hạ)	16									
		Trường TH Liên Minh Công Nông (HK xã Trung Lập Hạ)	4									
		TH Tân Thành (HK xã Trung Lập Hạ)	1									
		CỘNG	**125**									

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
12	Trung Lập	Trường TH Trung Lập Thượng Ấp Đồng Lớn, xã Trung Lập Thượng	81	6	45		6				254	
		Trường TH Trung Lập Hạ Ấp Đồn, xã Trung Lập Hạ	97									
		Trường TH Liên Trung Ấp Lào Táo Thượng, xã Trung Lập Thượng	71									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK xã Trung Lập Thượng)	1									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi 2 (HK xã Trung Lập Thượng)	1									
		Trường TH Liên Minh Công Nông (HK xã Trung Lập Thượng)	2									
		TH An Phú 1 (HK xã Trung Lập Thượng)	1									
		CỘNG	**254**									
13	An Nhơn Tây	Trường TH An Nhơn Tây Ấp Xóm Trại, xã An Nhơn Tây	158	7	45		7	1			307	
		Trường TH An Nhơn Đông Ấp Gò Nổi, xã An Nhơn Tây	134									
		Trường TH.An Phú 1 (HK xã An Nhơn Tây)	14									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK xã An Nhơn Tây)	1									
		CỘNG	**307**									

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
14	An Phú	Trường TH An Phú 1 Ấp An Hòa, xã An Phú	59	4	45		4	1			168	
		Trường TH An Phú 2 Ấp Phú Bình, xã An Phú	107									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK xã An Phú)	1									
		Trường TH Phạm Văn Cội (HK xã An Phú)	1									
		CỘNG	**168**									
15	Phú Mỹ Hưng	Trường TH Phú Mỹ Hưng Ấp Phú Lợi, xã Phú Mỹ Hưng	116	3	45		3				122	
		Trường TH An Phú 1 (HK xã Phú Mỹ Hưng)	6									
		CỘNG	**122**									
16	Nhuận Đức	Trường TH Nhuận Đức Ấp Bàu Chứa, xã Nhuận Đức	69	5	45		5				188	
		Trường TH Nhuận Đức 2 Ấp Ngã Tư, xã Nhuận Đức	66									
		Trường TH Phạm Văn Cội (HK xã Nhuận Đức)	40									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK xã Nhuận Đức)	4									
		TH Tân Thành (HK xã Nhuận Đức)	3									
		Trường TH An Phú 1 (HK xã Nhuận Đức)	6									
		CỘNG	**188**									

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
17	Phạm Văn Cội	Trường TH Phạm Văn Cội Ấp 3, xã Phạm Văn Cội	142	4	45		4			1	143	
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK xã Phạm Văn Cội)	1									
		CỘNG	**143**									
18	Phú Hòa Đông	Trường TH Phú Hòa Đông Ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông	290	10	45		10				431	
		Trường TH Phú Hòa Đông 2 Ấp Bến Cỏ, xã Phú Hòa Đông	99									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK xã Phú Hòa Đông)	4									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi 2 (HK xã Phú Hòa Đông)	1									
		Trường TH An Phú 1 (HK xã Phú Hòa Đông)	5									
		Trường TH Phạm Văn Cội (HK xã Phú Hòa Đông)	32									
		CỘNG	**431**									
19	Tân Thạnh Tây	Trường TH Tân Thạnh Tây Ấp 2, xã Tân Thạnh Tây	184	5	45	5		1			185	
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK xã Tân Thạnh Tây)	1									
		CỘNG	**185**									
20	Tân Thạnh Đông	Trường TH Tân Thạnh Đông Ấp 10, xã Tân Thạnh Đông	238	14	45	14					580	
		Trường TH Tân Thạnh Đông 2 Ấp 4, xã Tân Thạnh Đông	226									

TT	Trường trung học cơ sở	Tuyển học sinh Trường tiểu học ấp, xã , thị Trấn	Tổng số hs hoàn thành chương trình tiểu học	Khả năng nhận		Chỉ tiêu nhận						Ghi chú
				Tổng số lớp	Số HS/lớp	Số lớp					Tổng số hs tuyển vào lớp 6	
						học 1 buổi	học 2 buổi	Tăng cường Ngoại ngữ	Đề án tiếng Anh tích hợp	Bán trú		
	Tân Thạnh Đông	Trường TH Tân Thạnh Đông 3 (HK ở Ấp 5, Ấp 6A, Ấp 7, xã Tân Thạnh Đông)	116									
		CỘNG	**580**									
21	TH - THCS Tân Trung	Trường TH Tân Thạnh Đông 3 (HK ở Ấp 6, 12, xã Tân Thạnh Đông)	95	6	45		6				268	
		Trường TH Trung An (HK ở Ấp Thạnh An, ấp Hội Thạnh, xã Trung An)	126									
		Trường TH Tân Thạnh Tây (HK Tổ 1, 1A, xã Tân Thạnh Tây)	45									
		Trường TH Thị trấn Củ Chi (HK xã Tân Thạnh Tây, Tân Thạnh Đông)	2									
		CỘNG	**268**									
22	Trung An	Trường TH Trung An (HK ấp Chợ, An Bình, Bốn Phú, An Hòa, xã Trung An và tạm trú xã Trung An)	152	4	45		4				152	
		CỘNG	**152**									
23	Hòa Phú	Trường TH Hòa Phú Ấp 2, xã Hòa Phú	284	7	45		7				284	
		CỘNG	**284**									
24	Bình Hòa	Trường TH Bình Mỹ Ấp 6A, xã Bình Mỹ	105	7	45	7					310	
		Trường TH Bình Mỹ 2 Ấp 4A, xã Bình Mỹ	205									
		CỘNG	**310**									

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 5A: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 6 TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ, NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: 6443 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của UBND huyện Củ Chi)

STT	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ	LOẠI HÌNH	SỐ LỚP TĂNG CƯỜNG	SỐ HỌC SINH	SĨ SỐ LỚP	GHI CHÚ
	TỔNG SỐ		**10**	**370**		
1	Thị Trấn 2	Công lập	2	90	45	Tăng cường tiếng Anh
2	Thị Trấn Củ Chi	Công lập	1	35	35	Tăng cường tiếng Anh
3	Tân Phú Trung	Công lập	2	70	35	Tăng cường tiếng Anh
4	Tân Thông Hội	Công lập	2	70	35	Tăng cường tiếng Anh
5	Tân Thạnh Tây	Công lập	1	35	35	Tăng cường tiếng Anh
6	An Nhơn Tây	Công lập	1	35	35	Tăng cường tiếng Anh
7	An Phú	Công lập	1	35	35	Tăng cường tiếng Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 5B: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU CỤ THỂ LỚP 6 THEO ĐỀ ÁN CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP: "DẠY VÀ HỌC CÁC MÔN TOÁN, KHOA HỌC VÀ TIẾNG ANH TÍCH HỢP CHƯƠNG TRÌNH ANH VÀ VIỆT NAM"
NĂM HỌC 2018 - 2019
(Kèm theo Quyết định số: 6443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của UBND huyện Củ Chi)

STT	Trường trung học cơ sở	Loại hình	Số lớp thực hiện chương trình	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
	Tổng cộng:		**1**	**35**	**35**	
1	Thị Trấn 2	Công lập	1	35	35	
	Tổng số		**1**	**35**	**35**	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 6: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU HUY ĐỘNG HỌC SINH VÀO CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: 6443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của UBND huyện Củ Chi)

Trường	Số lượng học sinh huy động vào trường trung cấp chuyên nghiệp	Ghi chú
Tổng số:	**1175**	
Trung cấp nghề Củ Chi	500	
TCCN Bách khoa Sài Gòn	600	
TCCN Tây Sài Gòn	75	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 7: BẢNG SỐ LIỆU CHỈ TIÊU TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN NĂM HỌC 2018 - 2019

(Kèm theo Quyết định số: 6443/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2018 của UBND huyện Củ Chi)

Trung tâm giáo dục thường xuyên	Số lớp	Số học sinh	Sĩ số lớp	Ghi chú
Tổng số:	**8**	**360**	**45**	
Trung tâm Giáo dục thường xuyên Củ Chi	8	360	45	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN